TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 95-BQL DA Khe Chàm II/IV - Đội nổ mìn

Tháng 11 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương 100%		Lương AT	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương			BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư	Thuế TNCN			
1	**32**	**Tổ thợ lò**			**270**		**150.600.000**	**9**	**2.327.963**	**9.000.000**	**161.927.963**	**4.842.800**	**908.400**	**605.700**	**1.619.200**	**495.000**	**309.000**	**900.000**	**9.680.100**	**152.247.863**	
1	HL-03328	Nguyễn Văn Phúc	Lò trưởng	6.367.000	30	A	18.600.000	1	244.885	1.000.000	19.844.885	509.400	95.600	63.700	198.400	55.000			922.100	18.922.785	
2	HL-00534	Đỗ Văn Thuyết	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	32	A	17.600.000	1	296.308	1.000.000	18.896.308	616.400	115.600	77.100	189.000	55.000			1.053.100	17.843.208	
3	HL-01052	Hoàng Văn Thiện	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	33	A	18.150.000	1	296.308	1.000.000	19.446.308	616.400	115.600	77.100	194.500	55.000			1.058.600	18.387.708	
4	HL-01432	Nguyễn Mạnh Cường	CN nổ mìn hầm lò	6.367.000	31	A	17.050.000	1	244.885	1.000.000	18.294.885	509.400	95.600	63.700	182.900	55.000		400.000	1.306.600	16.988.285	
5	HL-02896	Vũ Khắc Hùng	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	20	A	11.000.000	1	296.308	1.000.000	12.296.308	616.400	115.600	77.100	123.000	55.000	309.000		1.296.100	11.000.208	
6	HL-00447	Nguyễn Văn Long	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	33	A	18.150.000	1	296.308	1.000.000	19.446.308	616.400	115.600	77.100	194.500	55.000		500.000	1.558.600	17.887.708	
7	HL-03532	Chìu A Nhì	CN nổ mìn hầm lò	5.305.000	27	A	14.850.000	1	204.038	1.000.000	16.054.038	424.500	79.600	53.100	160.500	55.000			772.700	15.281.338	
8	HL-04790	Nguyễn Tiến Dũng	CN nổ mìn hầm lò	6.367.000	31	A	17.050.000	1	244.885	1.000.000	18.294.885	509.400	95.600	63.700	182.900	55.000			906.600	17.388.285	
9	HL-05044	Lương Văn Tuấn	CN nổ mìn hầm lò	5.305.000	33	A	18.150.000	1	204.038	1.000.000	19.354.038	424.500	79.600	53.100	193.500	55.000			805.700	18.548.338	
Tổng cộng					**270**		**150.600.000**	**9**	**2.327.963**	**9.000.000**	**161.927.963**	**4.842.800**	**908.400**	**605.700**	**1.619.200**	**495.000**	**309.000**	**900.000**	**9.680.100**	**152.247.863**	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 12 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng